

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HS-ST
Ngày: 15/02/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hùng Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cao
2. Ông Phạm Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến
Lúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B.L tham gia phiên tòa: Bà Trần
Thị Xuân Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B.L tỉnh L.A
tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 94/2022/HSST ngày 30
tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-HS
ngày 30 tháng 01 năm 2023 đối với bị cáo:

Phạm Minh P; Tên gọi khác: không có; Giới tính: Nam. Sinh năm 1960 tại
tỉnh L.A; Nơi ĐKTT và chỗ ở: Khu phố 3, thị trấn BL, huyện B ,tỉnh L.A Nghề
nghiệp: Cán bộ hưu trí; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt
Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Phạm V. D, sinh năm: 1929 (chết) và bà Nguyễn
Thị T, sinh năm 1942; Bản thân có vợ tên Trương Thị C, sinh năm 1966 (đã ly hôn);
Có 01 người con, sinh năm 1987; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm
giam từ ngày 11/8/2022 đến nay có mặt.

- Bị hại: Nguyễn T.U, sinh năm 1927.

ĐKTT: Ấp 1B, xã A , huyện B.L,tỉnh L.A (xin vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm M.D, sinh năm 1987

ĐKTT: Ấp T, xã T P, huyện BL, tỉnh L.A (vắng mặt)

- Người làm chứng:

Ông Phạm V.H, sinh năm 1979

ĐKTT: Ấp 1B, xã A , huyện B.L,tỉnh L.A (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 11/8/2022, Phạm Minh P điều khiển xe mô tô biển số 62S2-1817 từ xã Tân Hòa đi theo đường Rạch T – Tân B về nhà tại thị trấn BL, huyện BL. Khi đến ấp 1B, xã A , huyện B.L, P tìm chỗ đi vệ sinh nên dừng xe, băng qua đường đi vô vườn trồng đậu bắp nhà bà Nguyễn T.U, sinh năm 1927, xung quanh xây hàng rào, cổng rào mở sẵn. P đi vào vườn, sau khi đi vệ sinh xong, P quay ra thấy bà U đang ngồi cách chỗ P đứng khoảng 8m, P đến gần hỏi “bà đang làm gì”, bà U trả lời “đang gom rác đốt”. P phát hiện trên tay trái bà U có đeo chiếc nhẫn vàng, loại nhẫn trơn, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc nhẫn vàng bán lấy tiền trả nợ. P quan sát xung quanh không có người nên đến ngồi đối diện bà U, tay trái P chụp lấy tay trái bà U có đeo nhẫn, dùng ngón cái và ngón trỏ tay phải gỡ lấy nhẫn. Lúc này, bà U co ngón tay lại không cho P lấy nên P dùng tay phải kéo thẳng ngón tay trái bà U ra khoảng 02 phút làm tay trái rách da, chảy máu thì lấy được nhẫn. Sau khi lấy xong, P đứng dậy, cầm nhẫn trên tay bỏ vào túi áo trước ngực bên trái, đi ra thì bà U hô lên “Cướp, cướp”. P đi bộ bình thường ra ngoài lấy xe bỏ đi, chạy được khoảng 3-4m thì bị anh Phạm V.H (cháu nội bà U) nghe tiếng la nên chạy ra đạp ngã xe và giữ P lại. Sau đó, anh H trình báo Công an xã A.T lập biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng tang vật.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 63/KL-HĐĐG ngày 22/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B.L, tiến hành định giá và kết luận: 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng, phía trong nhẫn có ghi chữ “MINH THANH 2 CHI 24K 9999”, trị giá 9.917.000đ

Tại Cáo trạng số 109/CT-VKSBL ngày 30/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B.L truy tố bị cáo Phạm Minh P về tội “Cướp tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Minh P hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội bị cáo thực hiện đúng như nội dung cáo trạng đã nêu. Viện Kiểm sát nhân dân huyện B.L truy tố bị cáo Phạm Minh P về tội “Cướp tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B.L trong phần luận tội đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo xét thấy đủ yếu tố cấu thành tội về tội “Cướp tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự 2015 như cáo trạng

của viện Kiểm sát nhân dân huyện B.L truy tố các bị cáo là đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo mới phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình bị cáo gặp khó khăn, bị cáo P là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến công hạng 3, bị cáo P đã tác động gia đình bồi thường chi phí điều trị thương tích cho bị hại; Tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho bị hại và bị hại có đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo P, do đó cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xét bị cáo P có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có nhân thân tốt. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 xử bị cáo dưới khung hình phạt liền kề tương ứng.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phạm Minh P về tội “Cướp tài sản”

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 168 ; điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54; Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt:

Bị cáo Phạm Minh P mức án từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù.

Do hoàn cảnh gia đình bị cáo kinh tế gặp khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 6, Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi xảy ra việc xảy ra bà Nguyễn Thị U đã nhận lại 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng, phía trong nhẫn có ghi chữ “MINH THANH 2CHI 24K 9999” và bà U không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập xem xét.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda biển số 62S2-1817 qua xác minh xe thuộc sở hữu của Phạm M.D (con ruột P), P lấy xe sử dụng làm phương tiện bỏ chạy sau khi thực hiện hành vi phạm tội, D không biết, Cơ quan CSĐT Công an huyện B.L ra quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản cho D nên đề nghị ghi nhận không xét đến.

Về vật chứng: 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng, phía trong nhẫn có ghi chữ “MINH THANH 2CHI 24K 9999”, CQĐT đã trả lại tài sản cho Nguyễn Thị U, hiện bà U đã nhận lại tài sản là phù hợp .

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda biển số 62S2-1817 qua xác minh xe thuộc sở hữu của Phạm M.D (con ruột P), P lấy xe sử dụng làm phương tiện bỏ chạy sau khi thực hiện hành vi phạm tội, D không biết, Cơ quan CSĐT Công an huyện B.L ra quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản cho D là phù hợp.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như nội dung cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu, bị cáo xác định cáo trạng truy tố bị

cáo là không oan sai, bị cáo không tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử khoan hồng cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản định giá tài sản, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa nên có đủ cơ sở kết luận, xuất phát từ lòng tham lam, tư lợi vì mục đích cá nhân nên vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 11/8/2022, Phạm Minh P chạy xe mô tô biển số 62S2-1817 trên đường Rạch T – Tân B, huyện B.L về nhà, khi đến ấp 1B, xã A, huyện B.L, P dừng xe, đi vào vườn nhà bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1927, đi vệ sinh. Khi đi trở ra P thấy trên ngón áp út bàn tay trái có đeo 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có ghi chữ “MINH THANH 2CHI 24K 9999”, trị giá 9.917.000đ. Bị cáo P đi vào và đã dùng vũ lực chiếm đoạt nhẫn của bà U và nhanh chóng tẩu thoát thì bị bắt quả tang cùng tang vật. Do bị cáo đã dùng vũ lực khống chế để chiếm đoạt tài sản của bà U đã ngoài 70 tuổi, đây là tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Như vậy đã đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội “Cướp tài sản”. tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm e, khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Hành vi trái pháp luật của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội. Xuất phát từ lòng tham lam, động cơ mục đích vụ lợi, muốn có tiền để tiêu xài phục vụ cho lợi ích bản thân nên khi phát hiện thấy bà U là người già yếu đeo nữ trang nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bà U

, bị cáo dùng lực bàn tay phải khống chế uy hiếp tinh thần làm cho bà U không còn sức kháng cự để bị cáo chiếm đoạt tài sản. Bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự ở địa phương làm cho nhân dân bất bình, hoang mang, lo sợ. Do đó cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc cách ly xã hội đối với bị cáo trong thời gian nhất định để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo mới phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình bị cáo gặp khó khăn, bị cáo P là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến công hạng 3, bị cáo P đã tác động gia đình bồi thường chi phí điều trị thương tích cho bị hại; Tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho bị hại và bị hại có đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo P, do đó cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xét bị cáo P có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có nhân thân tốt nên căn cứ Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 xử bị cáo dưới khung hình phạt liền kề tương ứng.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo có điều kiện kinh tế khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bị hại bà Nguyễn Thị U đã nhận lại 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng, phía trong nhẫn có ghi chữ “MINH THANH 2CHI 24K 9999”, đầy đủ và bồi thường thương tích cho bà U số tiền 1.000.000 đồng (đã bồi thường xong). Bà U không có yêu cầu gì thêm nên ghi nhận không xem xét.

[7] Về vật chứng:

- 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng, phía trong nhẫn có ghi chữ “MINH THANH 2CHI 24K 9999”, CQĐT đã trả lại tài sản cho Nguyễn Thị U, hiện bà U đã nhận lại tài sản là phù hợp nên không xem xét.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda biển số 62S2-1817 qua xác minh xe thuộc sở hữu của Phạm M.D(con ruột P), P lấy xe sử dụng làm phương tiện bỏ chạy sau khi thực hiện hành vi phạm tội, D không biết, Cơ quan CSĐT Công an huyện B.L ra quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản cho D là phù hợp nên không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo Phạm Minh P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Minh P phạm tội “*Cướp tài sản*”.

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 168, điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt:

Bị cáo Phạm Minh P 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian tù tính từ ngày 11/8/2022.

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tiếp tục tạm giam bị cáo Phạm Minh P trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày 15-02-2023 để đảm bảo kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Phạm Minh P phải chịu 200.000đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh L.A;
- Sở tư pháp tỉnh L.A;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện B;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện B;
- Nhà tạm giữ Công an huyện B;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hùng Cường

Hội thẩm nhân dân

Chủ tọa phiên tòa

Dương Công Danh Nguyễn Ngọc Ân

Lê H Cường